

**CÔNG TY CP CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/CT-HĐQT
“V/v CBTT Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT”

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 12 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty : Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

Mã chứng khoán : DRG

Địa chỉ trụ sở chính : 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : (0262) 3865015;

fax : (0262) 3865041

Website : <http://www.dakruco.com>

Loại thông tin công bố :

☒

24 giờ

☐

72 giờ

☐

Bất thường

☐

Theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố :

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trân trọng công bố thông tin Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ban hành ngày 26/12/2025 của Hội đồng quản trị.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk vào ngày 26/12/2025 tại đường dẫn www.dakruco.com/ chuyên mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT
ngày 26/12/2025 của HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Viết Trọng
Nguyễn Viết Trọng

Số: 28/NQ-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Hội đồng quản trị lần thứ 28 năm 2025, nhiệm kỳ II (2023 - 2028)

Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/11/2023;

Căn cứ Tờ trình số 29/TTr-HĐQT, ngày 25/12/2025 của HĐQT V/v xin ý kiến thành viên HĐQT lần thứ 23 năm 2025;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 12 năm 2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua công thức bán hàng, mua nguyên liệu năm 2026 như sau:

1. Đối với việc bán sản phẩm cao su thành phẩm:

1.1. Hình thức bán hàng chào bán, theo hai (02) hình thức chào bán hàng, như sau:

- Hợp đồng dài hạn: Chủ yếu đối với sản phẩm SVR10, ngoài ra có thể ký hợp đồng dài hạn với SVR3L và SVRCV60.

- Hợp đồng thời điểm: Đối với các sản phẩm chính: SVR 3L, SVRCV60, SVR10.

1.2. Phương thức tính giá bán:

1.2.1. Phương thức tính giá đối với hợp đồng dài hạn xuất khẩu (từ 06 tháng trở lên):

- Cơ sở tính giá: Giá thanh toán (settlement price) do SGX (Singapore Exchange) công bố, bằng USD. Tỷ giá USD quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá chuyển khoản mua của ngân hàng Ngoại thương công bố trong ngày cuối cùng tính giá hợp đồng.

- Thời hạn tính giá: Giá trung bình của cả tháng tính giá trước tháng giao hàng.

- Công thức tính giá (giá FOB HCM, hàng có pallet) như sau:

Loại hàng	SGX (cộng tối thiểu)
SVR 10	TSR20 + 55 USD/tấn
SVR 3L	TSR20 + 180 USD/tấn
SVR CV60	SVR3L + 40 USD/tấn

- Trường hợp ký bán hợp đồng dài hạn nội địa giao hàng tại kho Dakruco, hàng rời không pallet thì giảm trừ 45 USD/tấn.



1.2.2. Phương thức tính giá cho hợp đồng thời điểm:

- Cơ sở tính giá: Giá bán buổi chiều do MRB (Malaysia Rubber Board) công bố bằng USD.
- Thời hạn tính giá: Giá trung bình của 05 ngày trước ngày đề xuất giá chào bán.
- Thời gian chào bán: từ 03 đến 06 ngày tùy tình hình biến động của thị trường.
- Công thức tính giá xuất khẩu (giá FOB HCM, hàng có pallet) hợp đồng thời điểm như sau:

Loại hàng	MRB (tỷ lệ trừ tối đa)
SVR3L	(SMRL+SMR5)/2 – 15% (*)
	Hoặc: SVR10 + tối thiểu 60 USD/tấn (**)
SVRCV60	SVR3L + tối thiểu 40 USD/tấn
SVR5	SMR5 - 7%
SVR10	SMR10 - 7%
SVR20	SMR20 - 7%

Đối với công thức tính SVR3L, do giá SMRL của thị trường Malaysia có khi không chạy sát thị trường thực tế nên trong trường hợp giá chào bán thấp hơn công thức (*), thì có thể áp dụng công thức (**). Trường hợp giá chào bán thấp hơn cả 02 công thức (*) và (**) thì Ban điều hành phải xin ý kiến Hội đồng quản trị.

- Công thức tính giá hợp đồng nội địa thời điểm: Giá bán hàng nội địa thời điểm bằng giá bán xuất khẩu thời điểm nhân (x) tỷ giá chuyển khoản mua của ngân hàng ngoại thương trừ (-) các chi phí xuất khẩu liên quan (*Theo kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty, Tổng Giám đốc sẽ ban hành chi phí xuất khẩu*).

- Đối với sản phẩm FSC và EUDR (dài hạn hoặc thời điểm): Giá bán của từng loại sản phẩm sẽ cộng thêm tối thiểu 100 USD/tấn cho từng công thức.

*** Ghi chú:** Đối với những sản phẩm được sản xuất từ vùng nguyên liệu FSC và EUDR của Công ty, trường hợp chưa có đơn hàng FSC và EUDR thì có thể xuất bán như hàng thường (tem nhãn hàng thường, không thể hiện nhận dạng FSC trên tất cả các chứng từ liên quan đến lô hàng, không cung cấp hồ sơ chứng từ đáp ứng EUDR của lô hàng, ...)

2. Đối với công tác bán sản phẩm sầu riêng: Sản lượng sầu riêng 700 tấn, giao Ban Điều hành chủ động tìm kiếm thị trường xuất khẩu hoặc xuất bán nội địa. Giá bán tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm và giá thị trường, Ban Điều hành chủ động xây dựng phương án bán hàng theo giá thị trường tại thời điểm bán.

3. Đối với công tác bán sản phẩm cau tại Nông trường Cư Bao: Sản lượng cau dự kiến thu hoạch trong năm 2026 đạt 50 đến 55 tấn. Giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện phương án cho thuê khoán vườn cau (khách hàng chịu trách nhiệm chăm sóc, đầu tư và thu hoạch).

4. Kế hoạch thu mua và tính giá mua mủ cao su nguyên liệu:

- Sản lượng mua: 2.000 tấn (mua trong nước). Hồ sơ mua thực hiện theo Quy trình mua hàng QT/KD02, đảm bảo hồ sơ pháp lý và chứng từ hợp lệ.

- Thời điểm tính giá: Từ 02 - 03 lần/tuần hoặc giá chốt cho từng lô hàng.

- Phương thức mua mủ cao su nguyên liệu: Thực hiện theo hai (02) phương thức như sau:

+ *Mua theo giá hàng ngày*: Căn cứ vào sự biến động giá thu mua mủ cao su nguyên liệu trên địa bàn Đắk Lắk và các tỉnh lân cận; đồng thời nhằm giảm định phí/ tấn sản phẩm và tăng tính cạnh tranh, công thức tính giá thu mua nguyên liệu sẽ căn cứ vào giá bán cao su thành phẩm cùng loại tại thời điểm đó trừ (-) chi phí chế biến (- *Chi phí chế biến: Theo kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty và chi phí chế biến tính tối thiểu bù đắp các khoản định phí*). Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty ban hành thông báo giá từ 01 - 03 lần/tuần. Trường hợp thu gom từ các hộ tiểu điền nhỏ lẻ, vùng nguyên liệu ở xa nhà máy..., bằng giá thu mua mủ cao su bên ngoài cộng thêm (+) tối đa 500 đồng/kg so với giá thông báo thu mua mủ các hộ hợp đồng liên kết và vay vốn trồng cao su của Công ty

+ *Mua theo phương thức chốt giá*: Giá mua căn cứ vào hợp đồng đã bán hoặc căn cứ dự đoán thị trường tăng, giảm Công ty sẽ chốt giá một lần cho các lô hàng nhập trong tháng; số lượng chốt giá tối thiểu là 15 tấn quy khô; Thời gian thực hiện: 30 ngày (có thể kéo dài trong trường hợp ảnh hưởng bởi thời tiết mưa, bão, dịch bệnh...).

5. Thời gian thực hiện từ 01/01/2026.

Điều 2: Về chủ trương mua sắm hàng hóa/dịch vụ trước khi ban hành Kế hoạch tài chính năm 2026:

Thông nhất giao Ban Điều hành Công ty chủ động triển khai lựa chọn mua sắm những vật tư/hàng hóa/dịch vụ cần thiết để phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua. Việc thực hiện mua sắm hàng hóa/dịch vụ theo nguyên tắc: Tạm tính về định mức, số lượng, chủng loại và đơn giá theo kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và tình hình giá thị trường tại thời điểm mua sắm. Trình tự, thủ tục mua sắm thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Quy chế lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty, được ban hành theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT, ngày 29/10/2025 của HĐQT và Quy trình mua hàng hiện hành của Công ty.

Điều 3: Về phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Dakmoruco.

Thông nhất giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 của Công ty Dakmoruco như sau:

1. Chỉ tiêu về khối lượng:

- Diện tích: Cao su kinh doanh QĐ: 1.615,11ha; cao su KTCB: 03 ha; cao su liên kết do Công ty quản lý: 8,42 ha.

- Sản lượng khai thác: 3.200 tấn; năng suất bình quân: 1,97 tấn/ha.

2. Chỉ tiêu về giá trị:

- Giá bán bình quân: Giá bán mủ cao su bình quân: 6.344.000 Riel/tấn.
Tương đương: 41.514.000 đồng/tấn (theo tỷ giá: 6,544 VND/Riel).

- Tổng doanh thu: 133.715.533.000 đồng. Trong đó: Doanh thu từ bán mủ nguyên liệu: 132.843.000.000 đồng; doanh thu tài chính và thu nhập khác: 872.533.000 đồng.

- Tổng chi phí: 115.992.625.014 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 17.723.074.985 đồng.

3. Chỉ tiêu về đầu tư:

- Đầu tư vườn cây KTCB trồng năm 2023 (03 ha): 32.655.000 đồng.

- Đầu tư khác: (Bao gồm xây dựng cơ bản một số hạng mục rất cần thiết phải thực hiện để đảm bảo sản xuất kinh doanh): 8.349.280.000 đồng.

Điều 4: Về phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty DRI.

Thống nhất giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 của Công ty DRI, để Người đại diện phần vốn của Dakruco căn cứ biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ của DRI như sau:

1. Chỉ tiêu về khối lượng:

1.1. Chỉ tiêu về diện tích:

- Tổng diện tích cây trồng: 9.418,24 ha, trong đó:

+ Tổng diện tích cây cao su: 8.484,54ha (Diện tích cao su KTCB: 337,88 ha; Diện tích cao su khai thác: 8.146,66 ha);

+ Diện tích cây điều: 465,67 ha;

+ Diện tích cây khác + hồ nước, trục SR: 22,61 ha;

+ Diện tích cây sầu riêng tại Lào: 91,14 ha;

+ Đất trống, hợp thủy, hành lang FSC: 212,11 ha;

+ Diện tích vườn cây tại CNC DRI: 142,17 ha (vườn sầu riêng trồng 2018: 69,09 ha; vườn sầu riêng trồng 2020: 62,25 ha; đường lô, kho bãi: 10,83 ha.

1.2. Chỉ tiêu về sản phẩm:

- Tổng sản lượng mủ cao su: 15.800 tấn (sản lượng khai thác 13.800 tấn, năng suất bình quân 1,69 tấn/ha; Sản lượng mủ mua ngoài 2.000 tấn).

- Sản lượng sầu riêng: 760 tấn sản phẩm; Năng suất bình quân năm: 64,29 kg/cây.

2. Chỉ tiêu về giá trị:

2.1. Giá bán bình quân và giá thành sản phẩm:

- Giá bán mủ cao su: 1.759 USD/tấn; Giá vốn bán mủ trước thuế: 1.430 USD/tấn;

- Giá bán sầu riêng tươi: 40.000.000 đồng/tấn; Giá vốn sầu riêng: 31.419 đồng/kg.

2.2. Tổng doanh thu + thu nhập: 820.137 triệu đồng (Tỷ giá tạm tính: 26.300 VND/USD; 0.852 VND/Lak), trong đó:

- Doanh thu bán hàng: 776.849 triệu đồng (Doanh thu cao su: 689.249 triệu đồng; Doanh thu mủ ngoài: 87.599 triệu đồng; Doanh thu sầu riêng: 30.400 triệu đồng);

- Doanh thu tài chính + thu nhập khác: 12.887 triệu đồng.

2.3. *Tổng chi phí*: 657.880 triệu đồng, trong đó: Chi phí cao su: 560.501 triệu đồng; chi phí cao su mua ngoài: 86.599 triệu đồng; chi phí sầu riêng: 23.878 triệu đồng.

2.4. *Lợi nhuận và chia cổ tức*:

- Lợi nhuận trước thuế: 149.158 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 119.578 triệu đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2026: Dự kiến 10% vốn điều lệ.

3. *Chỉ tiêu về đầu tư trong năm 2026*:

3.1. *Đầu tư vườn cây KTCB*: 33.789 triệu đồng, trong đó: Đầu tư cao su tại Daklaoruco: 11.770 triệu đồng, với diện tích 337,88 ha, chi phí đầu tư bình quân là 34.834.865 đồng/ha; Sầu riêng trồng mới và KTCB1 tại Daklaoruco: 16.539 triệu đồng với 91,14 ha, chi phí đầu tư bình quân là 181.745.634 đồng/ha; Đầu tư sầu riêng tại CNC DRI: 5.479 triệu đồng, tương ứng với diện tích 62,25 ha, chi phí đầu tư bình quân 85.616.382 đồng/ha. Đồng thời trồng tận dụng bờ bao 1,08 ha cây cau với chi phí 150.215.924 đồng.

3.2. *Đầu tư XD CB*: 101.098 triệu đồng, trong đó: Tại Daklaoruco: 98.731 triệu đồng; tại Công ty mẹ DRI là: 1.507,5 triệu đồng (gồm chi phí cải tạo tầng thượng tòa nhà làm việc, chống thấm, trang bị màn hình led phòng họp, và các công cụ phục vụ hội họp); tại Công ty TNHH NN CNC DRI là: 860,02 triệu đồng (gồm chi phí bổ sung hệ thống nhỏ giọt, gia cố hàng rào bảo vệ sản phẩm, đường lô vận chuyển và các sửa chữa phục vụ SXKD).

3.3. *Các dự án xin chủ trương trong năm 2026*: Cụ thể như sau:

- Khảo sát, nghiên cứu đầu tư Dự án chế biến gỗ cao su tại Daklaoruco;

- Khảo sát, nghiên cứu đầu tư Dự án điện năng lượng mặt trời tại Daklaoruco, Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI;

- Khảo sát, nghiên cứu đầu tư Dự án liên kết trồng cà phê với Dakruco.

Điều 5: Về phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty DAKNORUCO.

Thông nhất giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 của Công ty DAKNORUCO, để Người đại diện phần vốn của Dakruco căn cứ biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ của DAKNORUCO như sau:

1. *Chỉ tiêu về khối lượng*:

- Tổng diện tích cây cao su: 482,43 ha, trong đó: Diện tích cao su KTCB: 224,16 ha; diện tích cao su khai thác: 258,27 ha.

- Tổng sản lượng mủ cao su: 697,08 tấn (tồn kho 70,40 tấn; khai thác 426,68 tấn; mua ngoài 200,00 tấn). Năng suất mủ bình quân: 1,652 tấn/ha.

- Sản lượng tiêu thụ trong năm: 689,336 tấn. Trong đó: RSS3: 600 tấn; mủ phụ: 89,336 tấn.

2. Chỉ tiêu về giá trị:

2.1. Giá bán và giá thu mua mủ nguyên liệu tính bình quân:

- Giá bán bình quân trong năm RSS3: 48.300.000 đồng/tấn (theo giá bán tại Hợp đồng bán mủ gần nhất).

- Giá mua, bán mủ phụ: 42.000.000 đồng/tấn;

- Giá thu mua mủ nước : 45.800.000 đồng/tấn;

2.2. Tổng giá thành sản xuất mủ bình quân, doanh thu và lợi nhuận:

- Giá thành sản xuất nông nghiệp: 32.209.810 đồng/tấn;

- Giá thành chế biến: 4.372.486 đồng/tấn;

- Chi phí quản lý: 3.407.800 đồng/tấn;

- Tổng doanh thu: 32.797 triệu đồng, trong đó: Doanh thu bán hàng : 32.732 triệu đồng; doanh thu khác : 65 triệu đồng.

- Tổng chi phí : 30.827 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 1.970 triệu đồng.

2.3. Kế hoạch về lao động, tiền lương năm 2026:

- Về lao động: Tổng số lao động: 140 người, trong đó: Lao động quản lý Cty: 03 người, công nhân khai thác, chế biến và gián tiếp dịch vụ: 101 người, công nhân chăm sóc vườn cây KTCB: 36 người.

- Về quỹ lương: Quỹ lương người lao động: 12.044 triệu đồng; Quỹ lương của lao động là người quản lý Công ty (03 người) là: 725,891 triệu đồng; quỹ thù lao của (05 người) quản lý không chuyên trách: 236,564 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu về đầu tư: Tổng giá trị đầu tư: 8.251 triệu đồng, trong đó đầu tư vườn cây nông nghiệp: 8.251 triệu đồng; chi phí đầu tư bình quân 36,810 triệu đồng/ha.

Điều 6: Về khen thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 của DAKMORUCO.

HDQT thống nhất và giao Chủ tịch HDQT quyết định khen thưởng cho tập thể DAKMORUCO, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2025. Mức tiền thưởng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trích từ nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 của Công ty.

Điều 7: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HDQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, Chủ tịch Dakmoruco, Người đại diện phần vốn Dakruco tại các công ty: DRI, Daknoruco và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Phòng TCKT;
- Phòng KD-XNK;
- Phòng NSPC;
- Phòng HC (đăng tải trên Website);
- Lưu VT.TK HDQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Tường